

Số: 610/QĐ-VTCB

Cửa Ông, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà
phương tiện thủy năm 2025**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN THAN ĐÔNG BẮC

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-VTCB ngày 28/5/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-VTCB ngày 29/10/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy Định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà phương tiện thủy năm 2025 ngày 12/11/2025 của Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà phương tiện thủy năm 2025 ngày 13/11/2025 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà phương tiện thủy năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Cơ khí thủy bộ Đại Dương.
2. Tên gói thầu: Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà phương tiện thủy năm 2025.
3. Địa điểm sửa chữa: tại xưởng đơn vị trúng thầu.
4. Giá trị trúng thầu: 567.326.398 VNĐ

(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

5. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 2. Giao cho Phòng Cơ điện, vận tải, vật tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, tổ chức hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu theo đúng quy định.

Điều 3. Phòng Cơ điện vận tải vật tư và các phòng chức năng có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị;
- Chỉ huy Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu: CĐVT. M06.

GIÁM ĐỐC



Phường Kim Mừng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 610/QĐ-VTCB, ngày 13 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tàu đẩy Đông Bắc 12, số đăng ký: QN-6417				107.420.277
I	Vật tư				18.408.538
1	Tôn 6 ly	Kg	539,46	16.000	8.631.360
2	Tôn 8 ly	Kg	423,49	16.000	6.775.840
3	Tôn 10 ly	Kg	187,58	16.000	3.001.338
II	Nhân công				89.011.739
1	Nhân công, vật tư phụ, điện năng, thiết bị phục vụ và quản lý	Kg	1150,53	22.000	25.311.739
2	Kéo tàu lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
3	Sơn kẻ thước mớn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
4	Cắt cửa thông sông hai bên phục vụ đăng kiểm, kiểm tra và hàn lắp hoàn thiện, hàn ốp bánh lái, cánh cửa nước bị xâm thực mòn rách và các vị trí khác trên tàu, bao gồm nhân công vật tư phụ	Công	3,0	900.000	2.700.000
5	Tháo chân vịt, kiểm tra bước xoắn chân vịt, bạc cao su	Hệ	1,0	9.000.000	9.000.000
6	Tháo vệ sinh, bảo dưỡng, xử lý chảy dầu piston thủy lực lái, lắp đặt hoàn thiện	Chiếc	2,0	2.000.000	4.000.000
7	Tháo lắp, cân chỉnh bơm cao áp, kim phun, chỉnh khe hở nhiệt	Đ/cơ	1,0	3.000.000	3.000.000
8	Tháo lắp, sửa chữa, khắc phục sinh hàn tăng áp	Chiếc	1,0	3.000.000	3.000.000
9	Tháo lắp, sửa chữa, khắc phục sinh hàn làm mát nước trong	Chiếc	1,0	3.500.000	3.500.000
10	Tháo lắp, sửa chữa, khắc phục sinh hàn làm mát nước ngoài	Chiếc	1,0	4.000.000	4.000.000
11	Tháo lắp, kiểm tra hệ lái (khoán gọn)	P/t	1,0	7.000.000	7.000.000
12	Nắn sửa cánh chân vịt	Chiếc	1,0	8.500.000	8.500.000

13	Hàn đắp, tiện láng hai đầu côn trục. Kiểm tra độ đảo của trục, mặt túp tô đầu trục	Trục	1,0	6.500.000	6.500.000
14	Sửa chữa rãnh ca véc, làm mới ca véc	Chiếc	2,0	1.500.000	3.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6531				8.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6524				8.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6421				8.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6424				8.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Tàu đẩy Đông Bắc 14, số đăng ký: QN-6575				13.100.000
1	Kéo tàu lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
3	Cắt cửa thông sông hai bên phục vụ đăng kiểm, kiểm tra và hàn lấp hoàn thiện. Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo của tàu đẩy, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	4,0	900.000	3.600.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6540				8.000.000

1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6602				8.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6603				8.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-7461				15.000.000
1	Kéo sà lan lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Kiểm tra chiều dày tôn vỏ theo yêu cầu đăng kiểm	P/t	1,0	7.000.000	7.000.000
	Tàu đẩy Đông Bắc 015, số đăng ký: QN-7344				13.100.000
1	Kéo tàu lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
3	Cắt cửa thông sông hai bên phục vụ đăng kiểm, kiểm tra và hàn lấp hoàn thiện. Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo của tàu đẩy, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	4,0	900.000	3.600.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6422				12.200.000
1	Kéo sà lan lên đà sửa chữa phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000

3	Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	3,0	900.000	2.700.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-7531				58.550.800
A	Vật tư				30.693.758
1	Tôn tấm 6 ly	Kg	1.198,05	16.000	19.168.758
2	Nắp + cổ hầm khoang hàng	Bộ	4,0	2.800.000	11.200.000
3	Bản lề nắp hầm	Bộ	5,0	65.000	325.000
B	Nhân công trực tiếp				27.857.042
1	Nhân công vật tư phụ	Kg	1.198,05	22.000	26.357.042
2	Chi phí quản lý phục vụ, điện năng, thiết bị	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-7532				53.988.143
A	Vật tư				26.963.429
1	Tôn tấm 6 ly	Kg	1.160,21	16.000	18.563.429
2	Nắp + cổ hầm khoang hàng	Bộ	3,0	2.800.000	8.400.000
B	Nhân công trực tiếp				27.024.715
1	Nhân công vật tư phụ	Kg	1.160,21	22.000	25.524.715
2	Chi phí quản lý phục vụ, điện năng, thiết bị	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-6522				10.850.000
1	Kéo sà lan lên đà sửa chữa phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
3	Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo trên 04 sà lan, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	1,5	900.000	1.350.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-7462				17.850.000
1	Kéo sà lan lên đà sửa chữa phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000

3	Kiểm tra chiều dày tôn vỏ theo yêu cầu đăng kiểm	P/t	1,0	7.000.000	7.000.000
4	Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo trên 04 sà lan, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	1,5	900.000	1.350.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-7390				17.850.000
1	Kéo sà lan lên đà sửa chữa phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
3	Kiểm tra chiều dày tôn vỏ theo yêu cầu đăng kiểm	P/t	1,0	7.000.000	7.000.000
4	Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo trên 04 sà lan, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	1,5	900.000	1.350.000
	Sà lan, số đăng ký: QN-7391				17.850.000
1	Kéo sà lan lên đà sửa chữa phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000
2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
3	Kiểm tra chiều dày tôn vỏ theo yêu cầu đăng kiểm	P/t	1,0	7.000.000	7.000.000
4	Hàn đắp các vị trí đường hàn bị xâm thực, nắn sửa các vị trí bẹp méo trên 04 sà lan, doa chải sơn hoàn thiện theo yêu cầu đăng kiểm.	Công	1,5	900.000	1.350.000
	Tàu đẩy Đông Bắc 27, số đăng ký: QN-7765				131.543.000
I	Vật tư				1.703.000
1	Tôn 8 ly	Kg	66,17	16.000	1.058.748
2	Tôn 10 ly	Kg	40,27	16.000	644.253
II	Nhân công				74.200.000
1	Kéo tàu lên, xuống đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà.	P/t	1,0	8.000.000	8.000.000

2	Sơn kẻ thước môn nước, số đăng ký, đăng kiểm	P/t	1,0	1.500.000	1.500.000
3	Siêu âm, kiểm tra cơ tính trục chân vịt và chân vịt	P/t	1,0	7.000.000	7.000.000
4	Tháo hệ trục chân vịt vệ sinh phục vụ đăng kiểm, lắp đặt hoàn thiện	Hệ	1,0	15.000.000	15.000.000
5	Thay mới bạc cao su đỡ trục chân vịt	Cái	2,0	9.000.000	18.000.000
6	Kiểm tra hệ lái thủy lực, sửa căn chỉnh lại	Hệ	1,0	7.000.000	7.000.000
7	Cắt cửa thông sông hai bên phục vụ đăng kiểm, kiểm tra và hàn lắp hoàn thiện	Công	3,0	900.000	2.700.000
8	Tháo lắp, cắt thay cánh cửa nước, bánh lái vị trí bị một hỏng	P/t	1,0	5.000.000	5.000.000
9	Tháo vệ sinh bảo dưỡng hệ ống cứu hỏa, hút khô, lắp hoàn thiện phục vụ đăng kiểm, kiểm tra	Hệ	2,0	5.000.000	10.000.000
III	Vật tư, nhân công phần máy				55.640.000
A	Vật tư thay thế				34.140.000
1	Bạc trục	Cặp	1,0	400.000	400.000
2	Bạc chặn	Cặp	1,0	200.000	200.000
3	Bạc biên	Cặp	1,0	450.000	450.000
4	Xéc măng	Bộ	6,0	800.000	4.800.000
5	Xilanh	Bộ/quả	4,0	1.300.000	5.200.000
6	Gioăng mặt máy	Cái	1,0	1.800.000	1.800.000
7	Gioăng cầu nước đơn	Cái	5,0	50.000	250.000
8	Gioăng cầu nước đôi	Cái	1,0	120.000	120.000
9	Gioăng cổ xả	Cái	6,0	70.000	420.000
10	Gioăng xylanh	Bộ	4,0	100.000	400.000
11	Phốt ghít	Cái	24,0	35.000	840.000
12	Gioăng đồng đầu súng phun	Cái	6,0	25.000	150.000
13	Oring thân súng phun	Cái	6,0	30.000	180.000
14	Oring đường dầu ngang	Cái	6,0	20.000	120.000
15	Cảm biến nhiệt độ nước	Cái	1,0	1.500.000	1.500.000
16	Xuppap hút	Cái	6,0	350.000	2.100.000
17	Xupap xả	Cái	6,0	410.000	2.460.000
18	Xie xả	Cái	6,0	100.000	600.000
19	Xie hút	Cái	6,0	100.000	600.000
20	Dây curoa bơm nước ngọt	Cái	1,0	450.000	450.000
21	Lọc dầu nhớt	Cái	4,0	350.000	1.400.000

22	Lọc dầu đốt tinh	Cái	2,0	800.000	1.600.000
23	Lọc dầu đốt thô	Cái	2,0	650.000	1.300.000
24	Bộ bạc tăng áp	Bộ	1,0	3.500.000	3.500.000
25	Bulong + ecu đồng	Bộ	1,0	100.000	100.000
26	Piston	Cái	2,0	1.600.000	3.200.000
B	Nhân công phần máy				21.500.000
1	Nhấc mặt máy, rà kín xie, xupap	Lần	1,0	7.500.000	7.500.000
2	Rút piston thay xéc măng, bạc biên	Quả	6,0	500.000	3.000.000
3	Rút xi lanh, thay gioăng xy lanh	Quả	1,0	300.000	300.000
4	Cân chỉnh kim phun	Lần	1,0	2.000.000	2.000.000
5	Cân bơm cao áp	Lần	1,0	3.000.000	3.000.000
6	Tháo rửa bảo dưỡng tăng áp	Lần	1,0	1.500.000	1.500.000
7	Thông sinh hàn nước	Lần	1,0	500.000	500.000
8	Thông sinh hàn gió	Lần	1,0	700.000	700.000
9	Thông rửa, ngâm tẩy sinh hàn nước	Lần	1,0	1.000.000	1.000.000
10	Thông rửa, ngâm tẩy sinh hàn gió	Lần	1,0	1.500.000	1.500.000
11	Thay dầu nhớt hộp số, vệ sinh lọc	Lần	1,0	500.000	500.000
	Cộng giá trước thuế:				525.302.221
	Thuế GTGT 8%:				42.024.178
	Tổng cộng:				567.326.398

(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu

**Gói thầu: Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà
phương tiện thủy năm 2025**

Kính gửi: Công ty TNHH Cơ khí thủy bộ Đại Dương

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-VTCB ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà phương tiện thủy năm 2025.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc xin thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa, kéo đà phục vụ đăng kiểm, kiểm tra định kỳ trên đà phương tiện thủy năm 2025 như sau:

1. Thông tin về Nhà thầu được đề nghị trúng thầu:

- Tên nhà thầu: Công ty TNHH Cơ khí thủy bộ Đại Dương
- MST: 5701785242
- Địa chỉ: Khu Kim Thành, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trúng thầu: 567.326.398 VNĐ
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

2. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng:

Chúng tôi xin trân trọng kính mời nhà thầu: Công ty TNHH Cơ khí thủy bộ Đại Dương tới văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc để hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

- Thời gian ký hợp đồng: 09 giờ 30 phút ngày 14 tháng 11 năm 2025.

- Nội dung hợp đồng: Có bản dự thảo hợp đồng đính kèm thông báo này.
- Địa điểm ký kết hợp đồng: Tại văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc - Khu 6B, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chỉ huy Công ty;
- Lưu: CDVT.M05.

GIÁM ĐỐC



Phường Kim Mùng